

**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

**BẢN MÔ TẢ**  
**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

**Tên chương trình: ĐỊA LÝ HỌC (Chuyên ngành: ĐỊA LÝ DU LỊCH)**

**Tên tiếng Anh ngành đào tạo: GEOGRAPHY (TOURISM GEOGRAPHY)**

**Mã ngành đào tạo: 52310501**

**Trình độ đào tạo:** Đại học                      **Hệ:** Chính quy

**ĐÀ NẴNG - 2017**

**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

**BẢN MÔ TẢ**  
**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

**Tên chương trình: ĐỊA LÝ HỌC (CHUYÊN NGÀNH ĐỊA LÝ DU LỊCH)**

**Tên tiếng Anh ngành đào tạo: GEOGRAPHY (TOURISM GEOGRAPHY)**

**Mã ngành đào tạo: 52310501**

**Trình độ đào tạo: Đại học**                      **Hệ: Chính quy**

**Khoa quản lý: Địa lý**

**ĐÀ NẴNG - 2017**

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

**Tên chương trình: ĐỊA LÝ HỌC (Chuyên ngành: ĐỊA LÝ DU LỊCH)**

**Tên tiếng Anh ngành đào tạo: Geography**

**Mã ngành đào tạo: 52310501**

**Trình độ đào tạo: Đại học                    Hệ: Chính quy**

*(Ban hành theo Quyết định số 575/QĐ - ĐT ngày 06/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)*

### **I. Mục tiêu đào tạo**

#### **1. Mục tiêu chung**

- Chương trình được biên soạn để phục vụ cho mục tiêu đào tạo cử nhân khoa học Địa lý của trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng.

- Mục đích của chương trình nhằm trang bị cho sinh viên có đầy đủ kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên ngành chuyên sâu để làm tốt để làm tốt các công việc liên quan đến chuyên ngành. Trang bị đầy đủ kiến thức để sinh viên có thể tiếp tục theo học các hệ Thạc sỹ cũng như khả năng tham gia vào các ngành nghề gần gũi với chuyên môn của ngành.

#### **2. Mục tiêu cụ thể**

##### *2.1. Phẩm chất đạo đức:*

- Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, chấp hành chính sách và pháp luật Nhà nước Việt Nam.

- Có ý thức trách nhiệm công dân; có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; có ý thức kỷ luật cao; có tác phong phù hợp với cơ chế đời sống công nghiệp, hiện đại và có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo tổ hoặc nhóm.

- Có phương pháp làm việc khoa học, biết giải quyết những vấn đề mới cũng như những thực tiễn đặt ra trong quá trình công tác; từ đó đúc rút được những kinh nghiệm thiết thực, hình thành năng lực tư duy có tính sáng tạo, linh hoạt.

##### *2.2. Kiến thức:*

- Có hiểu biết và nhận thức được các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh;

- Có các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chuyên ngành đào tạo;

- Có trình độ tiếng Anh theo quy định hiện hành;

- Có kiến thức tin học căn bản để có thể sử dụng thành thạo máy tính cùng một số phần mềm chuyên dụng nhằm hỗ trợ công việc nghiên cứu khoa học, giảng dạy, tự bồi dưỡng nâng cao kiến thức và các vấn đề liên quan;

- Nắm vững những kiến thức cơ bản về Địa lý kinh tế - xã hội, tổ chức lãnh thổ, thể tổng hợp kinh tế - xã hội của các vùng, quốc gia trên thế giới và Việt Nam;

- Vận dụng những kiến thức cơ bản, phương pháp nghiên cứu, thực tập nghiên cứu tìm hiểu các kiến thức liên quan đến chuyên ngành Địa lí du lịch.

- Nắm vững những kỹ năng nghề nghiệp đặc trưng cơ bản của lĩnh vực ngành nghề liên quan đến Địa lí du lịch.

### 2.3. Kỹ năng:

Có kỹ năng thực hành các phương pháp nghiên cứu truyền thống và hiện đại, tổng hợp và chuyên ngành... tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập các môn chuyên ngành, nghiên cứu chuyên sâu, tiếp cận dễ dàng với những vấn đề thực tiễn đặt ra có liên quan.

## II. Công việc đảm nhận sau khi tốt nghiệp

- Làm việc tại các Sở, ban ngành cấp tỉnh, thành phố như: Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Sở Tài nguyên - Môi trường; Sở Kế hoạch - Đầu tư; Ban quản lý các dự án đầu tư xúc tiến và phát triển du lịch..

- Làm việc tại các Phòng cấp huyện: Phòng Văn hóa Thể thao và Du lịch, Phòng Tài nguyên - Môi trường...

- Làm việc tại các công ty, trung tâm có liên quan: Các công ty lữ hành, các khách sạn, các dự án bảo tồn và phát triển di tích văn hóa lịch sử.

- Làm việc cho các dự án liên quan đến lĩnh vực quy hoạch và phát triển du lịch.

- Giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng, các viện nghiên cứu...

## 2. Thời gian đào tạo: 4 năm

## 3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

135 tín chỉ, chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng; thực hiện trên cơ sở chương trình khung giáo dục đại học ban hành theo quyết định số 31/2004/QĐ - BGD và ngày 16/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trong đó:

- Khối kiến thức chung : 21 tín chỉ

- Khối kiến thức cơ sở và ngành : 53 tín chỉ

- Khối kiến thức chuyên ngành hoặc nghiệp vụ : 46 tín chỉ

- Khối kiến thức tự chọn : 15/33 tín chỉ

- Tổng số tín chỉ toàn khóa là 153. Trong đó bắt buộc là 120 và tín chỉ tự chọn tối thiểu là 15.

#### **4. Đối tượng tuyển sinh:**

Khối C, D theo quy chế tuyển sinh đại học cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:**

- Căn cứ theo quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ - BGDĐT ngày 15 - 08 - 2007 được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 57/2012/TT - BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Công văn hướng dẫn thực hiện số 1834/ĐHĐN - ĐT ngày 18 - 01 - 2013 của Đại học Đà Nẵng.

- Điều kiện tốt nghiệp: ngoài những điểm quy định trong Quy chế, sinh viên phải tích lũy được ít nhất 135 tín chỉ (trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc), đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học.

**6. Thang điểm:** Thang điểm chữ A,B,C,D,F được quy định theo Quy chế 43.

#### **7. Chuẩn đầu ra**

Người học tốt nghiệp cử nhân ngành Địa lí học tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng đạt các tiêu chuẩn sau:

- **Phẩm chất chính trị, đạo đức:** Có phẩm chất chính trị tốt, thực hiện nghiêm chỉnh nghĩa vụ công dân và có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh, tác phong mẫu mực.
- **Năng lực vận dụng kiến thức ngành:** có kiến thức liên quan đến các lĩnh vực chuyên sâu của Địa lý học, có khả năng vận dụng những tri thức đã học vào việc lý giải, phân tích các vấn đề mang tính thời sự của Địa lý học.
- **Năng lực nghiệp vụ:** nắm vững được kiến thức cơ bản về một số hoạt động nghiệp vụ liên quan đến chuyên ngành Địa lí du lịch.
- **Năng lực giao tiếp:** Có kiến thức, kỹ năng giao tiếp để thực hiện tốt nhiệm vụ trong quá trình thực tập, và công việc sau khi tốt nghiệp.
- **Năng lực hoạt động xã hội:** Có kiến thức, kỹ năng tham gia, vận động, tuyên truyền và tổ chức các hoạt động xã hội.
- **Năng lực phát triển nghề nghiệp:** Có kiến thức, kỹ năng tự đánh giá, tự học và nghiên cứu khoa học.

#### **8. Chương trình đào tạo**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Chương trình đào tạo bậc đại học, hệ chính quy**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20/03/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 6950/QĐ-ĐHĐN ngày 01/12/2014 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng ban hành Quy định, nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Đà Nẵng, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và các đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ GD&ĐT; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ GD&ĐT;

Căn cứ Quyết định số 376/QĐ-ĐHĐN-ĐT ngày 29/01/2008 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng ban hành quy định về việc thực hiện Quy chế 43/2007/QĐ-BGDĐT; được bổ sung theo công văn số 1834/ĐHĐN-ĐT ngày 18/04/2013 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số: 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 của Bộ GD&ĐT quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Biên bản của Hội đồng Khoa học - Đào tạo trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng ngày 10/05/2017 về việc nghiệm thu Chương trình đào tạo hệ Chính quy, bậc đại học hiện hành theo thông tư 07/2015/TT-BGDĐT;

Theo đề nghị của ông Trưởng Phòng Đào tạo,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình và Kế hoạch đào tạo bậc Đại học, hệ chính quy, đào tạo tín chỉ, gồm:

- 12 ngành thuộc khối cử nhân sư phạm (bậc đại học) : SP Toán học, SP Tin học, SP Vật lý, SP Hóa học, SP Sinh học, GD Chính trị, SP Âm nhạc, SP Ngữ văn, SP Lịch sử, SP Địa lý, GD Tiểu học, GD Mầm non;

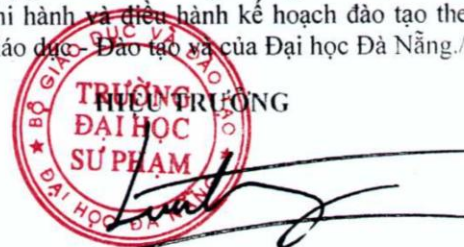
- 17 ngành thuộc khối cử nhân khoa học (bậc đại học): Toán ứng dụng, Công nghệ thông tin, Vật lý học, Hóa học (CN: Phân tích – Môi Trường; CN: Hóa dược), Khoa học môi trường, Quản lý tài nguyên và môi trường, Công nghệ sinh học, Văn học, Văn hóa học, Báo chí, Việt Nam học, Lịch sử, Địa lý học, Địa lý tự nhiên, Tâm lý học, Công tác xã hội.

**Điều 2.** Các Chương trình đào tạo ban hành kèm Quyết định này được áp dụng kể từ khóa tuyển sinh 2017, bậc đại học, hệ chính quy.

**Điều 3.** Các ông (bà) Trưởng Phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trưởng Phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng các Khoa căn cứ Quyết định thi hành và điều hành kế hoạch đào tạo theo đúng quy chế và quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Đại học Đà Nẵng./.

**Nơi nhận:**

- ĐHĐN (để b/c);
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu VT, ĐT.



PGS.TS LƯU TRANG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

BẠC: Đại học

KHOA : Địa lý (ban hành kèm theo Quyết định số 575/QĐ-ĐT ngày 6/6/2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP-DHĐN)

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

HỆ : Chính quy tập trung

KHÓA 2017

NGÀNH ĐÀO TẠO : Địa lý học (CN: Địa lý du lịch) (4 năm)

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			HP học trước	Ghi chú
			TC	LT	TH		
<b>KHỐI KIẾN THỨC CHUNG</b>							
1	212 2 1512	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (1)	2	2	0		
2	213 3 1513	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (2)	3	3	0	212 3 1512	
3	213 2 1922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	213 3 1513	
4	212 3 1225	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	0	213 2 1922	
5	312 2 1885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	2	1	1		
6	412 3 1858	Tiếng Anh A2.1	3	3	0		
7	412 4 1859	Tiếng Anh A2.2	4	4	0	412 4 1858	
8	316 2 1549	Pháp luật đại cương	2	2	0	212 3 1512	
9	001 0 1265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(1)		
10	001 0 1266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(1)		
11	001 0 1267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(1)		
12	001 0 1268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(1)		
13	001 0 1269	Giáo dục thể chất 5	(1)	(0)	(1)		
14	002 0 1264	Giáo dục quốc phòng	(4)				
<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI</b>			<b>21</b>	<b>20</b>	<b>1</b>		
<b>KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ VÀ NGÀNH</b>							
15	311 2 1765	Thông kê thực hành	2	1	1		
16	319 2 1337	Khoa học môi trường đại cương	2	2	0		
17	320 3 1711	Tâm lý học	3	3	0		
18	319 3 1167	Địa chất học	3	2	1		
19	319 2 1092	Cơ sở viễn thám	2	2	0		
20	319 3 1954	Văn hóa và kinh tế tộc người Việt Nam	3	3	0		
21	319 3 1290	Hệ thống thông tin địa lý	3	1	2		
22	319 2 1185	Địa lý tự nhiên đại cương 1	2	2	0		
23	319 2 1186	Địa lý tự nhiên đại cương 2	2	2	0		
24	319 3 1187	Địa lý tự nhiên đại cương 3	3	3	0		
25	319 4 1184	Địa lý tự nhiên các lục địa	4	4	0		
26	319 3 1189	Địa lý tự nhiên Việt Nam (khái quát)	3	3	0		
27	319 3 1190	Địa lý tự nhiên Việt Nam (khu vực)	3	3	0		
28	319 3 1177	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương 1	3	3	0		
29	319 3 1178	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương 2	3	3	0		
30	319 3 1179	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới 1	3	3	0		
31	319 3 1180	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới 2	3	3	0		
32	319 3 1182	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam 1 (khái quát)	3	3	0		
33	319 3 1183	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam 2 (ngành-vùng)	3	3	0		
<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI</b>			<b>53</b>	<b>49</b>	<b>4</b>		
<b>KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH HOẶC NGHIỆP VỤ</b>							
34	319 3 1021	Bản đồ chuyên đề (Du lịch)	3	2	1		
35	319 2 1867	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch	2	2	0		
36	319 2 1599	Phương pháp nghiên cứu khoa học du lịch	2	1	1		
37	319 2 1912	Tổng quan du lịch	2	2	0		
38	318 2 1708	Tài nguyên du lịch	2	2	0		
39	318 2 1366	Kinh tế du lịch	2	2	0		
40	318 2 1661	Quy hoạch du lịch	2	2	0		
41	318 2 1457	Marketing du lịch	2	2	0		
42	319 2 1222	Du lịch sinh thái	2	2	0		
43	318 2 1657	Quản trị kinh doanh lữ hành	2	2	1		



TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			HP học trước	Ghi chú
			TC	LT	TH		
44	318 3 1487	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3	2	0		
45	319 3 1148	Đánh giá tác động môi trường trong du lịch	3	2	1		
46	319 2 1754	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	2	1	1		
47	318 2 1484	Nghệ thuật giao tiếp trong kinh doanh du lịch	2	2	0		
48	319 2 1175	Địa lý du lịch thế giới	2	2	0		
49	319 2 1176	Địa lý du lịch Việt Nam	2	2	0		
50	319 2 1219	Du lịch biển đảo Việt Nam	2	2	0		
51	319 3 1924	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	3	2	1		
52	319 2 1775	Thực địa Địa lý du lịch	2	0	2		
53	319 1 1839	Thực tập nghề nghiệp du lịch	1	0	1		
54	303 3 1847	Thực tập tốt nghiệp	3	0	3		
<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI</b>			<b>46</b>	<b>34</b>	<b>12</b>		
<b>HỌC PHẦN TỰ CHỌN</b>							
55	319 2 1929	<i>Ứng dụng công nghệ thông tin trong địa lý</i>	2	2	0		
56	319 2 1913	<i>Tổng quan ngành lưu trú</i>	2	2	0		
57	319 2 1406	<i>Lịch sử chủ quyền lãnh thổ Việt Nam</i>	2	2	0		
58	319 2 1431	<i>Luật du lịch</i>	2	2	0		
59	319 2 1169	<i>Địa danh học và địa danh Việt Nam</i>	2	2	0		
60	319 2 1560	<i>Phong tục tập quán và lễ hội Việt Nam</i>	2	2	0		
61	319 2 1224	<i>Du lịch văn hóa</i>	2	2	0		
62	319 2 1223	<i>Du lịch tôn giáo tín ngưỡng</i>	2	2	0		
63	318 2 1221	<i>Du lịch làng nghề</i>	2	2	0		
64	319 2 1220	<i>Du lịch cộng đồng – Homestay</i>	2	2	0		
65	319 2 1285	<i>Hệ thống bảo tàng và di tích ở Việt Nam</i>	2	2	0		
66	319 2 1940	<i>Văn hóa ẩm thực Việt Nam</i>	2	2	0		
67	319 2 1025	<i>Bảo vệ môi trường du lịch và phát triển bền vững</i>	2	2	0		
68	303 7 1338	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>	7	0	7		
<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI</b>			<b>33</b>	<b>26</b>	<b>7</b>		
<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA</b>			<b>153</b>				
<b>Tổng số tín chỉ bắt buộc</b>			<b>120</b>				
<b>Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu</b>			<b>15</b>				

*Ghi chú: Không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng và phần Tiếng Anh đạt chuẩn đầu ra*

**Điều kiện tốt nghiệp:**

Phải tích lũy tối thiểu 135 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc

Đạt chuẩn đầu ra Tin học

Đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh tương đương trình độ B1 khung châu Âu

**TRƯỞNG KHOA**

  
TS. Trương Phước Minh

**HIỆU TRƯỞNG**



**PGS.TS. LƯU TRANG**



## 9. Kế hoạch đào tạo

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**  
 BẬC: Đại học  
 KHOA : Địa lý

## KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Hệ : Chính quy tập trung  
 NGÀNH ĐÀO TẠO : **Địa lý học** (CN: Địa lý du lịch) (4 năm)  
*(ban hành kèm theo Quyết định số 575/QĐ-ĐT ngày 6/6/2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP-DHĐN)*

HỌC KỶ	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			Ghi chú	
			TC	LT	TH		
1	31121765	Thống kê thực hành	2	1	1		
	31921337	Khoa học môi trường đại cương	2	2	0		
	32031711	Tâm lý học	3	3	0		
	31931167	Địa chất học	3	2	1		
	31921185	Địa lý tự nhiên đại cương 1	2	2	0		
	31931177	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương 1	3	3	0		
	31921912	Tổng quan du lịch	2	2	0		
		<b>Học phần tự chọn</b>					
	00101265	Giáo dục thể chất 1			(1)	0	(1)
<b>Tổng số tín chỉ trong học kỳ :</b>			<b>17</b>	<b>15</b>	<b>2</b>		
2	21221512	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (1)	2	2	0		
	41231858	Tiếng Anh A2.1	3	3	0		
	31931290	Hệ thống thông tin địa lý	3	1	2		
	31921186	Địa lý tự nhiên đại cương 2	2	2	0		
	31931178	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương 2	3	3	0		
	31931179	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới 1	3	3	0		
	31821708	Tài nguyên du lịch	2	2	0		
	31921175	Địa lý du lịch thế giới	2	2	0		
		<b>Học phần tự chọn:</b>					
	00101266	Giáo dục thể chất 2			(1)	0	(1)
	00201264	Giáo dục quốc phòng			(4t)		
	31921406	Lịch sử chủ quyền lãnh thổ Việt Nam			2	2	0
31921169	Địa danh học và địa danh Việt Nam			2	2	0	
<b>Tổng số tín chỉ trong học kỳ :</b>			<b>24</b>	<b>22</b>	<b>2</b>		
3	21331513	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (2)	3	3	0		
	31621549	Pháp luật đại cương	2	2	0		
	41241859	Tiếng Anh A2.2	4	4	0		
	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	2	1	1		
	31931180	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới 2	3	3	0		
	31931187	Địa lý tự nhiên đại cương 3	3	3	0		
	31821366	Kinh tế du lịch	2	2	0		
	31921176	Địa lý du lịch Việt Nam	2	2	0		
		<b>Học phần tự chọn:</b>					
	00101267	Giáo dục thể chất 3			(1)	0	(1)
31921929	Ứng dụng công nghệ thông tin trong địa lý			2	2	0	
31921560	Phong tục tập quán và lễ hội Việt Nam			2	2	0	
<b>Tổng số tín chỉ trong học kỳ :</b>			<b>25</b>	<b>24</b>	<b>1</b>		
4	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0		
	31921092	Cơ sở viễn thám	2	2	0		
	31931021	Bản đồ chuyên đề (Du lịch)	3	2	1		
	31931189	Địa lý tự nhiên Việt Nam (khái quát)	3	3	0		
	31931182	Địa lý kinh tế xã hội Việt Nam 1 (khái quát)	3	3	0		
	31931954	Văn hóa và kinh tế tộc người Việt Nam	3	3	0		
	31821457	Marketing du lịch	2	2	0		
	31921775	Thực địa Địa lý du lịch	2	0	2		
		<b>Học phần tự chọn:</b>					
	00101268	Giáo dục thể chất 4			(1)	0	(1)
31921224	Du lịch văn hóa			2	2	0	



HỌC KỲ	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			Ghi chú
			TC	LT	TH	
	31921285	Hệ thống bảo tàng và di tích ở Việt Nam	2	2	0	
		<b>Tổng số tín chỉ trong học kỳ :</b>	<b>24</b>	<b>21</b>	<b>3</b>	
5	21231225	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	0	
	31921599	Phương pháp nghiên cứu khoa học du lịch	2	1	1	
	31931190	Địa lý tự nhiên Việt Nam (khu vực)	3	3	0	
	31931183	Địa lý kinh tế xã hội Việt Nam 2 (ngành-vùng)	3	3	0	
	31941184	Địa lý tự nhiên các lục địa	4	4	0	
	31921222	Du lịch sinh thái	2	2	0	
	31821484	Nghệ thuật giao tiếp trong kinh doanh du lịch	2	2	0	
	31921219	Du lịch biển đảo Việt Nam	2	2	0	
		<b>Học phần tự chọn:</b>				
	00101269	Giáo dục thể chất 5	(1)	0	(1)	
	31921431	Luật du lịch	2	2	0	
31921223	Du lịch tôn giáo tín ngưỡng	2	2	0		
	<b>Tổng số tín chỉ trong học kỳ :</b>	<b>25</b>	<b>24</b>	<b>1</b>		
6	31921867	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch	2	2	0	
	31931148	Đánh giá tác động môi trường trong du lịch	3	2	1	
	31821661	Quy hoạch du lịch	2	2	0	
	31821657	Quản trị kinh doanh lữ hành	2	1	1	
	31831487	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3	2	1	
	31911839	Thực tập nghề nghiệp du lịch	1	0	1	
		<b>Học phần tự chọn:</b>				
	31921913	Tổng quan ngành lưu trú	2	2	0	
	Du lịch làng nghề	2	2	0		
	<b>Tổng số tín chỉ trong học kỳ :</b>	<b>17</b>	<b>13</b>	<b>4</b>		
7	31921754	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	2	1	1	
	31931924	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	3	2	1	
	30331847	Thực tập tốt nghiệp	3	0	3	
		<b>Học phần tự chọn:</b>				
	31921220	Du lịch cộng đồng – Homestay	2	2	0	
	31921025	Bảo vệ môi trường du lịch và phát triển bền vững	2	2	0	
	31921940	Văn hóa ẩm thực Việt Nam	2	2	0	
30371338	Khóa luận tốt nghiệp	7	0	7		
	<b>Tổng số tín chỉ trong học kỳ :</b>	<b>21</b>	<b>9</b>	<b>12</b>		
8		<b>Tổng số tín chỉ trong học kỳ :</b>				

Ghi chú: Không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng và phần Tiếng Anh đạt chuẩn đầu ra


**Điều kiện tốt nghiệp:**

Phải tích lũy tối thiểu 135 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc

Đạt chuẩn đầu ra Tin học

Đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh tương đương trình độ B1 khung châu Âu

**TRƯỞNG KHOA**

  
TS. Trương Phước Minh

**HIỆU TRƯỞNG**



**PGS.TS. LƯU TRANG**

## 10. Đề cương chi tiết học phần

(Phụ lục I)

## 11. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Sinh viên cần tích lũy các học phần bắt buộc đúng với tiến độ. Các học phần tự chọn nên lựa chọn theo hướng từng chuyên ngành hẹp như các học phần về Bản đồ học chuyên đề, Luật Du lịch, Du lịch văn hóa... Chương trình cũng đòi hỏi sinh viên thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả các chuyến thực địa tự nhiên, kinh tế và thực tập tốt nghiệp.

135 tín chỉ là khối lượng kiến thức cần thiết tối thiểu để sinh viên tốt nghiệp ra trường. Nhưng để có kiến thức phong phú, sinh viên có thể tích lũy đến 140 tín chỉ.

Sau 6 học kỳ đầu, sinh viên có điểm trung bình chung học kỳ loại khá- giỏi sẽ được chọn làm khóa luận tốt nghiệp, số sinh viên còn lại thực hiện theo quy chế đào tạo.

Tất cả chương trình chi tiết các học phần đã được thông qua các Tổ bộ môn. Toàn bộ chương trình đào tạo ngành Địa lý học đã được Hội đồng Khoa học- Đào tạo Khoa Địa lý thông qua.

*Đà Nẵng, Ngày 06 tháng 06 năm 2017*

**TRƯỞNG KHOA**

  
TS. Trương Phước Minh

**HIỆU TRƯỞNG**



**PGS.TS. LƯU TRANG**